TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 301/2019/DS-ST
Ngày: 25-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Phượng Quyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2016/TLST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST - KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; trụ sở: Đường H, phường L, quận K, Thành phố N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Viết U, sinh năm 1983 là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 802/GUQ-BIDV.BSG ngày 8/6/2018).

Bị đơn: Bà Mạc Dương Minh E, sinh năm 1994; địa chỉ: Đường B, Phường M, quận T, Thành phố I.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Mạc Thủy O, sinh năm 1973;

2/ Bà Dương Thị A, sinh năm 1974;

3/ Chị Mạc Như Q, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Đường B, Phường M, quận T, Thành phố I.

4/ Ông Mạc Trọng Ư, sinh năm 1978;

5/ Bà Nguyễn Thị Hoài X, sinh năm 1981;

6/ Trẻ Mạc Yến G, sinh năm 2006;

7/ Trẻ Mạc Anh K1, sinh năm 2013;

Trẻ Nhi, trẻ K1 có ông Ư, bà X là đại diện hợp pháp.

Cùng địa chỉ: Ngõ V, phường Y, quận S, Thành phố N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2016 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 23/12/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Mạc Dương Minh E có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2014/6788248/HĐTD với nội dung: Bà Mạc Dương Minh E được vay số tiền tối đa là 6.015.880.000đ, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất trong hạn 7,8%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất các năm còn lại bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi sau + biên độ 4,2%/năm, lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần vào ngày 01/01 và 01/7 hàng năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 26/12/2014 bà Mạc Dương Minh E đã được giải ngân số tiền vay 5.250.000.000đ, số tiền vay gốc được trả định kỳ vào ngày 26 tháng 12 (dương lịch) mỗi năm một lần, lãi được trả vào ngày 26 (dương lịch) hàng kỳ, mỗi kỳ 03 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Mạc Thủy O và bà Dương Thị A đã thế chấp các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ : đường B, phường M, quận T, Thành phố I theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 591/2002 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố I cấp ngày 02/5/2002 theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ 3 số 01/2014-6788248/HĐTC ngày 23/12/2014 có số công chứng 051259 tại Phòng công chứng số P, Thành phố I, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/12/2014.

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ ngõ V, phường Y, quận S, Thành phố N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH00911 do Ủy ban nhân dân quận S, Thành phố N cấp ngày 14/01/2011 theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ 3 số 02/2014-6788248/HĐTC ngày 23/12/2014 có số công chứng 6214.2014/HĐTC, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đ1, Thành phố N, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23/12/2014.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đang giữ bản chính các giấy tờ sau của ông Mạc Thủy A, bà Dương Thị O: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 591/2002 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố I cấp ngày 02/5/2002 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00911 do Ủy ban nhân dân quận S, Thành phố N cấp ngày 14/01/2011.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Mạc Dương Minh E chỉ trả được tổng số tiền lãi trong 3 đợt là 313.950.000đ, đợt cuối là ngày 30/11/2015.

Dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng bị đơn vẫn có tình không trả. Nay, Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2019 là 7.585.683.366đ gồm: nợ gốc 5.250.000.000đ, lãi trong hạn 2.205.131.250đ và lãi quá hạn là 130.552.116đ ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả số tiền lãi từ ngày 26/7/2019 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền còn nợ.

Trường hợp bà Mạc Dương Minh E không trả hoặc chưa trả hết nợ thì Ngân hàng yêu cầu được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Mạc Thủy A, bà Dương Thị O như nêu trên để thu hồi nợ.

Bị đơn là bà Mạc Dương Minh E vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mạc Thủy A, bà Dương Thị O, chị Mạc Như Q, ông Mạc Trọng Ư, bà Nguyễn Thị Hoài X, trẻ Mạc Yến G, trẻ Mạc Anh K1 (trẻ G, trẻ K1 có ông Ư, bà X là đại diện hợp pháp) vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, tống đạt, thông báo, niêm yết, lấy lời khai, xác minh, thu thập chứng cứ, xác định tư cách tham gia tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tuy có vi phạm thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Việc gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, thực hiện các trình tự thủ tục tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ 3, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, do đó có cơ sở xác định giữa Ngân hàng và bị đơn có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản. Trước đây, vụ án được thụ lý theo quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại nhưng xét thấy quan hệ giữa hai bên đương sự chỉ là giao dịch dân sự nên cần điều chỉnh thành quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành ủy thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Phía bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Về việc đưa người vào tham gia tố tụng*: Do ông Mạc Thủy Avà bà Dương Thị O là chủ sở hữu các tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn và theo kết quả xác minh của Công an pường M, quận T, Thành phố I; Ủy ban nhân dân và Công an phường Y, quận S, Thành phố N thì hiện nay có chị Mạc Như Q , ông Mạc Trọng Ư, bà Nguyễn Thị Hoài X, trẻ Mạc Yến G, trẻ Mạc Anh K1 cư trú tại các tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn nên có thể làm phát sinh quyền và nghĩa vụ liên quan vì vậy cần thiết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Khi ký hợp đồng tín dụng thì bị đơn đứng tên ký vay cá nhân và theo trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân phường M, quận T, Thành phố I và Ủy ban nhân dân phường Y, quận S, Thành phố N về tình trạng hôn nhân của bị đơn thì không đủ căn cứ để xác định người có quan hệ hôn nhân với bị đơn là ai nên không thể đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét, hợp đồng tín dụng số 01/2014/6788248/HĐTD ngày 23/12/2014 và bảng kê rút vốn ngày 26/12/2014 có hình thức phù hợp, nội dung thỏa thuận tự nguyện, thể hiện ý chí của hai bên, không không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với chức năng, ngành nghề đã đăng ký nên hợp pháp, phát sinh hiệu lực. Thực hiện hợp đồng đã ký do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, gửi thông báo nợ quá hạn và lập biên bản làm việc về thanh toán các khoản vay trên nhưng phía bị đơn, ông A và bà O vẫn không hợp tác, cố tình né tránh nên nguyên đơn khởi kiện. Mặc khác, kể từ ngày Tòa án thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lên Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng cả bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến do đó có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc và lãi còn thiếu là 7.585.683.366đ theo quy định tại các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả và trả không đầy đủ khoản nợ trên, thấy: 02 Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ 3 cùng ngày 23/12/2014 gồm hợp đồng số 01/2014-6788248/HĐTC có số công chứng 051259 tại Phòng công chứng số P, Thành phố I và hợp đồng số 02/2014-6788248/HĐTC, có số công chứng 6214.2014/HĐTC, quyển số 03 TP/CC-

SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đ1, Thành phố N đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ – CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 đã phát sinh hiệu lực pháp luật từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm nên căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 56 Nghị định 163/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không lên Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với những tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: đường B, phường M, quận T, Thành phố I và Quyền sử dụng đất tại địa chỉ ngõ V, phường Y, quận S, Thành phố N đã được tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định. Tuy nhiên, vào thời điểm xem xét, thẩm định do nhà khóa cửa, không vào được bên trong nên không xác định được hiện trạng thực tế bên trong tuy nhiên vị trí thửa đất, tờ bản đồ số cũng như địa chỉ đúng theo hợp đồng thế chấp đã ký.

[3] Phương thức và thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với số tiền 3.000.000đ nguyên đơn đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thấy: Việc xem xét, thẩm định tại chỗ được tiến hành theo yêu cầu của nguyên đơn để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này và có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 115.585.683đ.

Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.613.083đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng

10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

1.1. Buộc bà Mạc Dương Minh E có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2019 là 7.585.683.366 (bảy tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn ba trăm sáu mươi sáu đồng) gồm nợ gốc 5.250.000.000đ (Năm tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn: 2.205.131.250đ (Hai tỷ hai trăm lẻ năm triệu một trăm ba mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi đồng), lãi quá hạn: 130.552.116đ (Một trăm ba mươi triệu năm trăm năm mươi hai ngàn một trăm mười sáu đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngay sau khi bị đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên thì nguyên đơn xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho ông Mạc Thủy A, bà Dương Thị O bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 591/2002 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố I cấp ngày 02/5/2002 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00911 do Ủy ban nhân dân quận S, Thành phố N cấp ngày 14/01/2011.

Đến hạn trả nợ, bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng nêu trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ : đường B, phường M, quận T, Thành phố I theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 591/2002 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/5/2002.

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ ngõ V, phường Y, quận S, Thành phố N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN : CH00911 do Ủy ban nhân dân quận S, Thành phố N cấp ngày 14/01/2011.

Bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2019 theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 01/2014/6788248/HĐTD ngày 23/12/2014 trên số dư nợ gốc cho đến khi thi hành án xong.Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Bị đơn có trách nhiệm hoàn lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 115.585.683đ (Một trăm mười lăm triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.723.305đ (Năm mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn ba trăm lẻ năm đồng) theo biên lai thu số AA/2014/000xx ngày x/x/xx của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo